

Số: ~~1261~~ /TB-SGDĐT

Bình Dương, ngày 25 tháng 7 năm 2018

THÔNG BÁO

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non,
giáo viên phổ thông công lập; chuyển loại Kế toán năm 2018**

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 3104/UBND-VX ngày 11/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy đổi chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ, tin học trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 3301/UBND-VX ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập; chuyển loại Kế toán năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 1137/KH-SGDĐT ngày 29/6/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập; chuyển loại Kế toán năm 2018,

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương thông báo việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập; chuyển loại Kế toán năm 2018 như sau:

A. XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN

I. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng.

Công chức, viên chức (sau đây gọi chung là giáo viên) đang công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ - tin học và bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) và đã được xếp hạng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III, hạng IV.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét.

Giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được Thủ trưởng đơn vị cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

c) Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét của từng cấp học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập; Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập.

3. Lưu ý.

Giáo viên tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31/12/2018 chưa yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chưa yêu cầu điều kiện về thời gian giữ hạng liền kề hạng dự xét tối thiểu từ đủ 01 năm trở lên. Trong thời hạn tối đa 01 năm kể từ ngày công bố kết quả xét thăng hạng, nếu giáo viên không bổ sung được chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp dự xét (nếu chưa có chứng chỉ) thì cơ quan có

thấm quyền không bỏ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ xét thăng hạng đã tham dự.

III. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học.

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học.

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

c) Giáo viên mầm non, tiểu học hạng III dự xét thăng hạng lên hạng II khi điểm hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch. Những giáo viên không được tham gia sát hạch được thông báo không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

d) Việc sát hạch được thực hiện thông qua làm bài khảo sát bằng hình thức trắc nghiệm; thời lượng làm bài khảo sát không quá 45 phút; nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp (theo từng hạng chức danh của mỗi cấp học).

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ - tin học và bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh.

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

IV. HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

Hồ sơ xét thăng hạng của giáo viên phải được bỏ vào 01 túi hồ sơ giấy (kích thước 25cm x 35cm, nội dung bìa túi hồ sơ theo mẫu), gồm có:

1. Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có ý kiến của Thủ trưởng đơn vị công tác (theo mẫu).

2. Bản sơ yếu lý lịch có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị công tác (theo mẫu).

3. Photocopy bản đánh giá, phân loại của 03 năm học gần nhất, có xác nhận đối chiếu bản chính của Thủ trưởng đơn vị công tác.

(Bản đánh giá, phân loại của Hiệu trưởng/Giám đốc trung tâm đối với viên chức (trừ cấp phó của đơn vị) hoặc của Phòng Giáo dục và Đào tạo/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Sở Giáo dục và Đào tạo đối với cán bộ quản lý theo phân cấp quản lý).

4. Bản photocopy (có chứng thực sao y) chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (nếu có).

5. Bản photocopy (có chứng thực sao y) bằng tốt nghiệp chuyên môn cao nhất phù hợp với vị trí việc làm theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét.

6. Bản photocopy (có chứng thực sao y) chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (bảng quy đổi kèm theo).

7. Bản photocopy Quyết định lương đang hưởng.

8. Các minh chứng về “nhiệm vụ” theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét.

9. Các minh chứng về “tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ” theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét.

Lưu ý: Giáo viên dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ và các minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là xác nhận của Thủ trưởng đơn vị nơi đang công tác về năng lực của giáo viên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó.

V. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí về “nhiệm vụ”: 5,0 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về “tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng”: 20 điểm;

c) Nhóm tiêu chí về “tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ”: 75 điểm.

(Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc Điểm b Khoản 2 Mục này); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc Điểm c Khoản 2 Mục này);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

4. Đối với những trường hợp được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học; những trường hợp chưa yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề

nghiệp, chưa yêu cầu điều kiện về thời gian giữ hạng liền kề hạng dự xét tối thiểu từ đủ 01 năm trở lên thì vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

VI. QUY ĐỊNH VỀ CÁCH TÍNH ĐIỂM SÁT HẠCH THĂNG HẠNG

1. Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.
2. Hội đồng xét quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung khảo sát.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ hồ sơ, kèm các minh chứng theo quy định;
- b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Phải đạt điểm chấm hồ sơ từ 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Mục V Phần A của Thông báo này.
- c) Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Phải đạt điểm chấm hồ sơ theo quy định tại Điểm b Khoản này và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

2. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

VIII. TRƯỜNG HỢP MIỄN XÉT TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN

1. Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Trong trường hợp giáo viên thuộc Khoản 1 Mục này có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng dự xét thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

C. XÉT CHUYÊN LOẠI KẾ TOÁN

I. ĐỐI TƯỢNG

Viên chức Kế toán đang được hưởng lương ngạch Kế toán viên, mã số ngạch như 06.033, 06.032, 06a.031 đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đúng chuyên ngành nhưng chưa được chuyển loại tương ứng với trình độ chuyên môn được đào tạo.

II. ĐIỀU KIỆN

1. Được Thủ trưởng đơn vị đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự xét.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Có bằng tốt nghiệp chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm Kế toán và mã ngạch dự xét.

4. Có ngoại ngữ trình độ A trở lên đối với trường hợp tốt nghiệp trình độ trung cấp chuyên ngành; trình độ B trở lên đối với trường hợp tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học chuyên ngành.

5. Có chứng chỉ Tin học tối thiểu đạt trình độ A.

III. HỒ SƠ

Hồ sơ xét chuyển loại Kế toán của viên chức phải được bỏ vào 01 túi hồ sơ giấy (kích thước 25cm x 35cm, nội dung bìa túi hồ sơ theo mẫu), gồm có:

1. Đơn đăng ký dự xét chuyển loại có ý kiến của Thủ trưởng đơn vị công tác (theo mẫu).

2. Bản sơ yếu lý lịch có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị công tác (theo mẫu).

3. Photocopy bản đánh giá, phân loại của 03 năm học gần nhất của của Hiệu trưởng/Giám đốc trung tâm, có xác nhận đối chiếu bản chính của Thủ trưởng đơn vị công tác.

4. Bản photocopy (có chứng thực sao y) bằng tốt nghiệp chuyên môn cao nhất phù hợp với vị trí việc làm.

5. Bản photocopy (có chứng thực sao y) chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu của ngạch dự xét (bảng quy đổi kèm theo).

6. Bản photocopy Quyết định lương đang hưởng.

IV. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ

Thời gian nộp hồ sơ thực hiện cùng thời gian nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông.

V. HÌNH THỨC XÉT

Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo xét hồ sơ chuyển loại Kế toán cùng với thời gian xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, nguyên tắc xét thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

D. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

1. Thời gian

Nhận hồ sơ từ ngày 27/8/2018 đến 16 giờ 00 ngày 10/9/2018 (trong giờ làm việc hành chính).

2. Địa điểm

Bộ phận một cửa của Sở Giáo dục và Đào tạo, ô số 10, Tầng 01, Tháp B, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: (0274) 3903242.

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC SÁT HẠCH

Giáo viên mầm non, tiểu học đăng ký dự xét thăng hạng lên hạng II phải tham gia sát hạch theo quy định. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên sẽ thông báo cụ thể thời gian và địa điểm tổ chức sát hạch trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương <http://sgdbinhduong.edu.vn>

Dự kiến tổ chức sát hạch trong khoảng thời gian từ ngày 25/9/2018 đến ngày 05/10/2018.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Công bố kết quả ngày 10/11/2018 tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương và trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương <http://sgdbinhduong.edu.vn>

IV. PHÍ XÉT TUYỂN

Thu 300.000 đồng cho một hồ sơ đăng ký dự xét, thu một lần cùng lúc nộp hồ sơ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Các Phòng GD&ĐT huyện/thị xã/TP;
- Các trường THPT;
- Trung tâm GDTX tỉnh BD;
- Trung tâm NN-TH và BDNV tỉnh BD;
- Các trung tâm GDNN-GDTX;
- Lưu: VT, TCCB. T.100

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sáng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN**

Từ giáo viên hạng lên giáo viên hạng

Kính gửi: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
giáo viên tỉnh Bình Dương năm 2018

Tôi tên là (chữ in hoa): Nam (nữ):

Ngày, tháng, năm sinh:

Hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện nay:

Đơn vị công tác:

Chức vụ/chức danh:

Chuyên môn đào tạo: Trình độ cao nhất:

Trình độ ngoại ngữ: Trình độ tin học:

Thời điểm vào ngành:

Thời điểm được công nhận hết tập sự:

Thời điểm bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đang giữ:

Tên chức danh nghề nghiệp: Giáo viên hạng

Mã số:, hệ số lương:, thời điểm tính nâng lương lần sau:
...../...../.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng , tôi thấy có đủ điều kiện để tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên năm 2018 của tỉnh Bình Dương.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tỉnh Bình Dương năm 2018 xem xét cho tôi được tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng lên giáo viên hạng năm 2018.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ XÉT CHUYỂN LOẠI KẾ TOÁN

Kính gửi: Hội đồng xét chuyển loại Kế toán tỉnh Bình Dương năm 2018

Tôi tên là (chữ in hoa): Nam (nữ):

Ngày, tháng, năm sinh:

Hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện nay:

Đơn vị công tác:

Chuyên môn đào tạo: Trình độ cao nhất:

Trình độ ngoại ngữ: Trình độ tin học:

Thời điểm vào ngành:

Thời điểm được công nhận hết tập sự:

Lương đang hưởng: Mã số ngạch: Hệ số:, thời điểm tính nâng lương lần sau:

Sau khi nghiên cứu các quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ Kế toán viên, mã số ngạch, tôi thấy có đủ điều kiện để tham dự kỳ xét chuyển loại Kế toán năm 2018 của tỉnh Bình Dương.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Hội đồng xét chuyển loại Kế toán tỉnh Bình Dương năm 2018 xem xét cho tôi được tham dự kỳ xét chuyển loại Kế toán từ mã số ngạch sang mã số ngạch

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ/PHÒNG GD&ĐT...../UBND HUYỆN; TX, TP Số hiệu viên chức:
TRƯỜNG/TRUNG TÂM

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ảnh màu
(3 x 4 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
- 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngàytháng..... năm....., Giới tính (nam, nữ):
- 4) Nơi sinh: Xã, Huyện, Tỉnh
- 5) Quê quán: Xã, Huyện, Tỉnh

6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:

8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

9) Nơi ở hiện nay:

(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:

11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:

12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:

(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)

13) Công việc chính được giao:

14) Chức danh nghề nghiệp: Mã số: Bạc lương:.....,
Hệ số:....., ngày hưởng:/...../....., Phụ cấp chức vụ:....., Phụ cấp khác:.....

15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):

15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:

(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)

15.3- Lý luận chính trị: 15.4- Quản lý nhà nước

(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự,)

15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp:

15.6- Ngoại ngữ: 15.7- Tin học:.....

(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...)

(Trình độ A, B, C,...)

16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../....., Ngày chính thức:...../...../.....

17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội:

(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)

18) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../....., Quân hàm cao nhất:

19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú)

20) Sở trường công tác:

21) Khen thưởng: 22) Kỷ luật:

(Hình thức cao nhất, năm nào) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)

23) Tình trạng sức khỏe:, Chiều cao:....., Cân nặng: ... kg, Nhóm máu:.....

24) Là thương binh hạng: /....., Là con gia đình chính sách:

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân: Ngày cấp: /..... /.....

26) Số sổ BHXH:

27) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
		.../.....-.../.....		
		.../.....-.../.....		
		.../.....-.../.....		
		.../.....-.../.....		
		.../.....-.../.....		
		.../.....-.../.....		
		.../.....-.../.....		
		.../.....-.../.....		

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng.../ Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư

28) Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....

29) Diễn biến quá trình lương

Tháng/năm										
Mã CDNN/bậc										
Hệ số lương										

30) Nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị quản lý hoặc sử dụng công chức, viên chức

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai
trên đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày....tháng.....năm 20.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
TỪ HẠNG LÊN HẠNG

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Đơn vị công tác:

Hồ sơ gồm có:

1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.
8.
9.
10.
11.
12.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ DỰ XÉT CHUYÊN LOẠI KẾ TOÁN

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Đơn vị công tác:

Hồ sơ gồm có:

1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.
8.
9.
10.
11.
12.